

CHÍNH PHỦ
Số: 10-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 2 năm 1993

NGHỊ ĐỊNH

Về việc ban hành quy định bảo vệ an toàn các công trình xăng dầu

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để bảo đảm an toàn các công trình xăng dầu và các công trình lân cận; bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân;

Theo đề nghị của Bộ thương mại;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo nghị định này bản quy định về bảo vệ an toàn các công trình xăng dầu.

Điều 2. Nghị định có hiệu lực từ ngày ký, những quy định trước đây trái với nghị định này bị bãi bỏ.

Bộ thương mại và Bộ Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra các Bộ, các ngành, các địa phương thi hành nghị định này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Phan Văn Khải

QUY ĐỊNH
VỀ BẢO VỆ AN TOÀN CÁC CÔNG TRÌNH XĂNG DẦU
(kèm theo Nghị định số 10-CP ngày 17-2-1993 của Chính phủ)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này chỉ áp dụng đối với công tác bảo vệ an toàn phạm vi bên ngoài bao quanh các công trình xăng dầu. Việc bảo vệ an toàn bên trong công trình tuân theo các quy định và tiêu chuẩn hiện hành.

Điều 2. Các công trình xăng dầu nói trong quy định này gồm các kho xăng dầu, bến cảng xuất nhập xăng dầu và đường ống dẫn xăng dầu phục vụ cho việc tiếp nhận, vận chuyển, chứa đựng và bảo quản khi lưu thông và dự trữ xăng dầu trên phạm vi cả nước.

Quy định này không áp dụng cho các kho xăng dầu của các hộ tiêu thụ, các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, kho và đường ống dẫn khí đốt, khí hoá lỏng và các công trình khai khác, chế biến xăng dầu.

CHƯƠNG II
PHẠM VI BẢO ĐẢM AN TOÀN CÁC CÔNG TRÌNH XĂNG DẦU

Điều 3. Đối với kho xăng dầu.

Phạm vi bảo đảm an toàn tính từ các bể chứa xăng dầu, các hành mục công trình có nguy hiểm về cháy nổ trong các kho xăng dầu cấp I (có dung tích chứa từ 50.000 m³ trở lên), kho cấp II (có dung tích chứa từ 10.000 m³ đến 50.000 m³), kho cấp III (có dung tích nhỏ hơn 10.000 m³) đến các đối tượng ngoài kho được quy định:

1. Nhà ở và các công trình công cộng của khu dân cư:

150 m đối với kho cấp I

100 m đối với kho cấp II

60 m đối với kho cấp III.

2. Nhà làm việc và các công trình của cơ quan, xí nghiệp:

100 m đối với kho cấp I

40 m đối với kho cấp II, III

3. Rừng cây: Rừng cây lá to bản:

20 m chung cho các cấp kho.

Rừng cây lá kim, cỏ tranh:

100 m đối với kho cấp I

50 m đối với kho cấp II, III.

4. Mỏ than lộ thiên, kho chứa vật liệu dễ cháy (gỗ than, bông vải sợi v.v...):

100 m đối với kho cấp I

50 m đối với kho cấp II, III

5. Đường sắt:

Khu vực nhà ga:

100 m đối với kho cấp I

80 m đối với kho cấp II, III.

Khu vực sân ga xếp dỡ hàng và đường nhánh:

80 m đối với kho cấp I

60 m đối với kho cấp II, III.

Đường sắt chính:

50 m đối với kho cấp I

40 m đối với kho cấp II, III

6. Đường ô tô:

Đường ô tô cấp I, II và III:

50 m đối với kho cấp I

30 m đối với kho cấp II, III.

Đường ô tô cấp IV, V:

30 m đối với kho cấp I

20 m đối với kho cấp I, III.

7. Sân bay:

Trong phạm vi phễu bay:

2000 m đối với kho cấp I

1000 m đối với kho cấp II, III.

Ngoài phạm vi phễu bay:

1000 m đối với kho cấp I, II

500 m đối với kho cấp III.

8. Cột điện:

Cách tường rào kho bằng 1,5 lần chiều cao cột điện cao nhất chung cho các cấp kho.

Khoảng cách quy định trên đây được tính theo đường thẳng từ các mặt ngoài của kho xăng dầu đến mặt ngoài đối diện của các đối tượng. Riêng đường sắt tính từ tim đường gần nhất.

Điều 4. Đối với bến cảng xuất nhập xăng dầu:

1. Phạm vi bảo đảm an toàn bến cảng xuất nhập xăng dầu trên biển, hồ đến cầu tàu bốc dỡ hàng khô, cầu tàu khác, quân cảng, khu du lịch và các cầu tàu khác được quy định:

Cầu cảng xuất nhập xăng dầu loại I (xăng, TC-1...): 200 m.

Cầu cảng xuất nhập xăng dầu loại II (dầu ma zút, dầu nhờn, dầu hoả, diezen): 150 m.

2. Phạm vi bảo đảm an toàn bến cảng xuất nhập xăng dầu ven sông đặt phía hạ lưu đến các đối tượng được quy định:

Quân cảng cố định, cảng hàng hoá: 1000 m.

Cảng, công trình thuỷ điện và công trình lấy nước sinh hoạt: 300 m.

Các công trình khác: 200 m.

3. Phạm vi bảo đảm an toàn bến cảng xuất nhập xăng dầu ven sông đặt phía thượng lưu đến các đối tượng được quy định:

Quân cảng cố định: 4000 m

Cảng, công trình thuỷ điện và công trình lấy nước sinh hoạt: 2000 m

Các công trình khác: 800 m.

Trường hợp bến cảng xuất nhập xăng dầu loại II thì khoảng cách quy định trong khoản 2 và khoản 3 được giảm 30%. Nếu bến cảng xuất nhập xăng dầu cho các phương tiện vận chuyển có trọng tải dưới 300 tấn thì khoảng cách quy định trong khoản 2 và khoản 3 được giảm 50%. Các khoảng cách trên được tính từ mép ngoài của bến cảng xuất nhập xăng dầu đến mép ngoài đối diện của các đối tượng trên.

Điều 5. Đối với đường ống chính dẫn xăng dầu.